

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCD4	Nl̃m h̃ c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c ph̃ñ : 132017301502 - Thi c¹ ng Cñu	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010342	35CCĐ4	Phan Vln An	05/09/1993	5.0	6.0	4.0	5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
2	3571010078	35CCĐ3	Nguy n Tuân Anh	26/03/1993	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
3	3571010032	35CCĐ3	Nguy n Th f n	04/06/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
4	3571010053	35CCĐ3	Nguy n Ho ng Gia Bto	10/12/1993	6.0	7.0	5.0	6.0			6.0	1.8	1.7	1.2	3.0	
5	3571010545	35CCĐ4	Trfn q nh Bé	05/06/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	N HP
6	3571010422	35CCĐ4	Nguy n Xuân Biên	19/09/1992	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
7	3571010191	35CCĐ4	q inh Xuân Clnh	07/05/1991	6.0	7.0	8.0	7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
8	3571010047	35CCĐ3	Ng q nh Clnh	05/01/1993	6.0	8.0	7.0	7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
9	3571010074	35CCĐ3	Phm Quang Cfn	24/12/1993	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
10	3571011771	35CCĐ3	Nguy n Minh Công	24/09/1991	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.0	2.8	4.8	
11	3571010243	35CCĐ3	L Vln Cng	15/11/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
12	3571010263	35CCĐ4	Nguy n D p Ho ng Chinh	23/01/1993	4.0	5.0	4.0	4.0			4.3	1.3	3.0	2.1	3.4	N HP
13	3571011831	35CCĐ4	Lh U QUANG CH NH	30/09/1982	6.0	5.0	7.0	7.0			6.3	1.9	3.5	2.5	4.3	
14	3571010274	35CCĐ4	Nguy n Minh Chính	20/06/1993	7.0	8.0	7.0	7.0			7.3	2.2	5.5	3.9	6.0	
15	3571010176	35CCĐ3	L Vln Chung	13/03/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	3.8	2.7	4.7	
16	3571010359	35CCĐ3	Ho ng Vln D m	01/08/1993	7.0	7.0	6.0	7.0			6.8	2.0	0.8	0.6	2.6	
17	3571010330	35CCĐ4	Trfn Thanh Duy	30/08/1993	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
18	3571010249	35CCĐ3	Trfn Trung Dng	10/05/1993	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
19	3571010307	35CCĐ4	Lê Hoàng q to	04/12/1993	6.0	7.0	7.0	6.0			6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP

Kh·a h̃ c : **L_i p h̃ c :** 35CCĐ4 **Nl̃m h̃ c :** 2013-2014 **ḡ VHT :** 4
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 132017301502 - Thi c¹ ng CFu **H̃ c k8 :** HK02
 (60,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L_ P SV	H_ Vê Tậ N	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêiN						TBC	QUY TS: 30%	ậ IqM THI	QUY TS : 70%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010417	35CCĐ4	H° S: ậ Ễ	24/07/1993	5.0	6.0	4.0	5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	N° HP
21	3571010022	35CCĐ3	L° Ti/ậ ậ Ễ	28/06/1993	6.0	7.0	8.0	7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
22	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành ậ Ễ	10/10/1990	6.0	5.0	6.0	6.0			5.8	1.7	2.8	2.0	3.7	N° HP
23	3571011839	35CCĐ3	Nguy_ n TỄ	21/05/1993	6.0	7.0	7.0	6.0			6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
24	3571010130	35CCĐ3	Nguy_ n Duy ậ´ nh	20/11/1991	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.8	3.4	5.4	
25	3571010189	35CCĐ4	Trậ TỄ	30/10/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
26	3571010195	35CCĐ4	Hu8nh Kim ậ¹ ng	01/12/1992	6.0	8.0	7.0	7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
27	3571011802	35CCĐ4	Ho°ng Tr_ ng ậ_ c	14/10/1992	6.0	7.0	6.0	6.0			6.3	1.9	0.5	0.4	2.2	N° HP
28	3571010311	35CCĐ4	Phan TrỄ ng Giang	14/10/1993	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	8.0	5.6	7.6	
29	3571010327	35CCĐ3	Nguy_ n ậ³nh Hào	13/09/1992	5.0	6.0	4.0	5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N° HP
30	3571011544	35CCĐ3	Nguy_ n Ho°ng Hậ	12/05/1992	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	0.3	0.2	2.2	
31	3571010164	35CCĐ3	D-ậng Kim H´ u	16/03/1993	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HP
32	3571010068	35CCĐ3	Phan Ng_ c Hòa	23/01/1993	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HP
33	3571010131	35CCĐ3	L° Ng_ c H° ng	15/03/1993	5.0	6.0	5.0	5.0			5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	N° HP
34	3571011832	35CCĐ4	CHẬU HI_ P HUY	17/12/1992	5.0	6.0	5.0	5.0			5.3	1.6	3.0	2.1	3.7	N° HP
35	3571010398	35CCĐ3	ậ_ Vận Huy	10/02/1992	6.0	5.0	6.0	6.0			5.8	1.7	4.5	3.2	4.9	
36	3571011781	35CCĐ4	Ng¹ Nhậ Huy	04/10/1992	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	1.0	0.7	2.7	N° HP
37	3571010396	35CCĐ4	Nguy_ n Minh Hùng	13/01/1993	4.0	6.0	5.0	5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	N° HP
38	3571010093	35CCĐ3	VỖ Bậch Hùng	07/08/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.3	3.0	5.0	

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCD4	Ñm h̃ c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c ph̃ñ : 132017301502 - Thi c¹ ng Cñu	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3571010281	35CCĐ4	Nguyễn Hq	Hq	07/02/1993	6.0	5.0	7.0	6.0			6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
40	3571011010	35CCĐ3	Đng Th	Hq	05/04/1993	6.0	5.0	7.0	6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
41	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh	Lam	10/03/1992	6.0	5.0	7.0	6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	N HP
42	3571010296	35CCĐ4	Phan Vln	L c	12/08/1993	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
43	3571011210	35CCĐ3	Phan Vln Minh	Luân	09/12/1992	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	N HP
44	3571010283	35CCĐ4	q Hq	Mq	27/05/1992	4.0	5.0	4.0	4.0			4.3	1.3	2.0	1.4	2.7	N HP
45	3571011444	35CCĐ3	L q c	Mq	12/05/1992	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	N HP
46	3571010018	35CCĐ3	Ng Vln	Mq	14/01/1992	7.0	8.0	8.0	7.0			7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
47	3571010319	35CCĐ3	q Hq H u	Minh	26/12/1992	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
48	3571010292	35CCĐ4	Trfn Hq	Nam	24/04/1992	7.0	6.0	7.0	8.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	N HP
49	3571010194	35CCĐ4	L q q	Ngà	10/10/1993	5.0	4.0	4.0	5.0			4.5	1.4	2.5	1.8	3.1	N HP
50	3571011456	35CCĐ3	L Vln	Ngh	10/07/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	5.3	3.7	5.7	
51	3571010246	35CCĐ3	Trfn	Nhln	02/08/1993	6.0	8.0	7.0	7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	N HP
52	3571010114	35CCĐ3	Đng Th	Phi	23/05/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	1.8	1.3	3.4	
53	3571010378	35CCĐ4	q inh C q	Phúc	09/03/1993	7.0	8.0	8.0	7.0			7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
54	3571010357	35CCĐ4	Nguyễn H u	Ph c	27/01/1993	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
55	3571010126	35CCĐ3	Nguyễn Vinh	Quang	10/09/1992	6.0	8.0	7.0	7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
56	3571011813	35CCĐ3	Trfn Vln	Quang	10/07/1993	7.0	8.0	7.0	7.0			7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
57	3571010391	35CCĐ4	Trfn Hq	Quân	25/01/1993	5.0	4.0	6.0	5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCD4	Nl̃m h̃ c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c ph̃ñ : 132017301502 - Thi c¹ ng Cñu	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TậN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010185	35CCĐ4	Trợng Doãn Quân	10/10/1993	6.0	5.0	5.0	5.0			5.3	1.6	3.3	2.3	3.9	
59	3571010371	35CCĐ4	Cao Phụng Quý	01/10/1993	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.5	3.2	5.2	Nº HP
60	3571010639	35CCĐ4	Nguyễn Danh Sơn	01/10/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	6.0	4.2	6.2	
61	3571010028	35CCĐ3	Trần Xuân Sơn	22/02/1993	5.0	4.0	6.0	5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
62	3571010155	35CCĐ3	Nguyễn C¹ng Tám	06/03/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	1.8	1.3	3.3	
63	3571010299	35CCĐ4	Nguyễn Chấnh Tín	10/03/1991	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	Nº HP
64	3571010351	35CCĐ4	Nguyễn Duy To¹n	07/11/1992	5.0	4.0	6.0	5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	Nº HP
65	3571010321	35CCĐ4	Trần Minh Tuấn	24/05/1992	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	3.0	2.1	4.1	Nº HP
66	3571010316	35CCĐ4	Võ Minh Tuấn	14/07/1993	6.0	7.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.5	3.2	5.2	
67	3571011788	35CCĐ4	Nguyễn Văn Tú	02/05/1993	5.0	4.0	6.0	5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	Nº HP
68	3571010368	35CCĐ4	Phạm Văn Ty	26/05/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
69	3571010270	35CCĐ4	Trần Ngọc Thanh	18/03/1993	6.0	7.0	8.0	7.0			7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
70	3571010332	35CCĐ4	Trần Thanh B®	00/00/1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	3.0	2.1	4.1	
71	3571010383	35CCĐ4	Nguyễn B¹i Thành	19/02/1993	3.0	4.0	0.0	0.0			1.8	0.5	0.0	0.0	0.5	Nº HP
72	3571010349	35CCĐ4	Phan Công Thành	/ /1993	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	
73	3571010061	35CCĐ3	Lâm Sơ Th¹ng	10/08/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	
74	3571011455	35CCĐ3	Nguyễn Duy Th¹n	18/08/1993	6.0	5.0	7.0	6.0			6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	
75	3571010273	35CCĐ4	Phạm Thanh Th¹nh	24/05/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
76	3571010050	35CCĐ3	Trần Quốc Th¹nh	06/02/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCĐ4	Ñm h̃ c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c ph̃ñ : 132017301502 - Thi c ¹ ñg CFu	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010190	35CCĐ4	Nông Thanh Trong	20/02/1993	7.0	8.0	6.0	7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
78	3571010039	35CCĐ3	Nguyễn Th/J	10/12/1993	7.0	6.0	8.0	7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
79	3571010125	35CCĐ3	Nguyễn Trệh Th/J	08/04/1993	7.0	8.0	7.0	7.0			7.3	2.2	1.5	1.1	3.2	
80	3571010187	35CCĐ4	Nguyễn Vĩn VỈ	24/11/1992	7.0	6.0	7.0	7.0			6.8	2.0	4.0	2.8	4.8	

T'ng s' : 80 h c sinh sinh vi^on

Tr.HCM, ngày / /

Trên ng Khoa

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa